

Số: 1007/2023/ĐKBSHD-HTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023.

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa

1. Tên cơ sở đăng ký bổ sung: Trường Trung cấp Công nghệ Hà Nội
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Hanoi Technical College

2. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại: 024.2204.3939

Website: congnghenhanoi.edu.vn

Email: trungcapcongnghenhanoi.edu.vn@gmail.com

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số:
28/GCNDKBS-SLĐTBXH Cấp ngày: 29/06/2017

Cơ quan cấp: Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội

4. Nội dung đăng ký bổ sung:

a) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo: **Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và
Giáo dục thường xuyên thị xã Nghi Sơn**

Địa chỉ: Tiểu khu 4, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Lý do đăng ký bổ sung: bổ sung địa điểm đào tạo ngoài địa điểm được
cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Tiếng Trung Quốc	5220209	70	Trung cấp

5. Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng những quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT



ThS. Bùi Thanh Phương

Số: 1008/2023/ĐKBSSHĐ-HTC

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Địa điểm đào tạo: Trung tâm GDNN&GDTX Thị xã Nghi Sơn

Địa chỉ: Tiểu khu 4, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Ngành, nghề: Tiếng Trung Quốc

- Trình độ đào tạo: Trung cấp.

- Quy mô tuyển sinh/năm: 70

1. Lý do đăng ký bổ sung:

Tăng quy mô tuyển sinh tại địa điểm liên kết đào tạo

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 02 phòng diện tích 80 m²/phòng;

- Số phòng/xưởng thực hành, thực tập: 2 phòng TH Chăm sóc sắc đẹp 60 m²

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

(Tên, đơn vị tính, số lượng và Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo)

3. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: người (cơ hữu, thỉnh giảng)

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 25/1

c) Nhà giáo cơ hữu: nhà giáo

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Huy Đoan	Đại học	Đại học sư phạm		Tin học
2	Lê Thị Thu	Đại học	Đại học		Tiếng Anh



			sư phạm		
3	Nguyễn Đức Thao	Đại học	Đại học sư phạm		GD thể chất GD QP - AN
4	Lê Hữu Thành	Đại học	Đại học sư phạm		GDTC GD QP- AN
5	Lê Đức Tinh	Đại học	Đại học sư phạm		GD Chính trị GD Pháp luật
6	Dương Thị Hương Thúy	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Cao đẳng, đại học		Tiếng Anh Ngoại ngữ chuyên ngành
7	Lê Thị Loan	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Cao đẳng, đại học		Tiếng việt thực hành Dẫn luận ngôn ngữ Cơ sở văn hóa Việt Nam
8	Lê Thị An	Cử nhân ngôn ngữ Tiếng Trung Quốc	Cao đẳng, đại học		Đất nước và văn hóa Trung Quốc Ngữ pháp tiếng Trung Quốc 1
9	Dương Quang Huy	Cử nhân ngôn ngữ	Cao đẳng, đại học		Viết tiếng Trung Quốc 1 Viết tiếng Trung Quốc 2 Nghe - Nói tiếng Trung Quốc 1 Nghe - Nói tiếng Trung Quốc 2
	Nguyễn Thị	Cử nhân ngôn ngữ	Cao đẳng,		Tiếng Trung Quốc phiên dịch

	Đào	Tiếng Trung Quốc	đại học		Tiếng Trung Quốc văn phòng
--	-----	------------------------	---------	--	-------------------------------

d) Nhà giáo thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghịệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1						
2						

(Có hồ sơ chứng minh kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh

Tên ngành, nghề: Tiếng Trung Quốc

Mã ngành, nghề: 5220209

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm

Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học, mô đun : 21 môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 65 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 210 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1180 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 429 giờ; Thực hành, thực tập: 1221 giờ

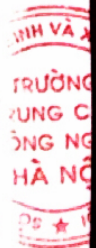
b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị*, NXB Lao động xã hội, 2020.

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Tài liệu dạy học môn Tiếng Anh* NXB Lao động xã hội, 2020.

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Tài liệu dạy học môn Giáo dục Thể chất*, NXB Lao động xã hội, 2020.

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Tài liệu dạy học môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh*, NXB Lao động xã hội, 2020.



- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Tài liệu dạy học môn Giáo dục Pháp luật*, NXB Lao động xã hội, 2020.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
- Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, *Giáo trình Tin học Đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
- Giáo trình thể dục các môn - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, NXB Thể dục thể thao.
- Vũ Đức Nghiệu, *Dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2009
- Trần Quốc Vương, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2001
- Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2003), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục.
- Lý Hiếu Kì, 2013, *Boya Chinese Elementary I*, 2nd edn, Nhà xuất bản đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh Trung Quốc
- Trần Thị Thanh Liêm. *Giáo trình Hán ngữ (6 quyển)*. NXB ĐHQGHN. 2013. (CBD SBS) & B
- Lý Hiếu Kì, 2014, *Boya Chinese Quasi-Intermediate I*, xuất bản lần thứ 3, Nhà xuất bản đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh Trung Quốc
- Trần Thị Thanh Liêm. *Giáo trình Tiếng Hán hiện đại (5 tập)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội(ĐHQGHN). 1998 – 2002. Biên dịch và biên soạn bổ sung (BSBS)
- Trần Thị Thanh Liêm - Từ điển thành ngữ Hán Việt. NXB Lao động. 2009
- Trần Thị Thanh Liêm. Từ điển Hán – Việt hiện đại. NXB Khoa học Xã hội. 2007
- Giáo trình Nghe tin tức (新闻听力教程) NXB ĐH Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh (Giáo trình dùng cho năm thứ nhất)
- Trần Thị Thanh Liêm – Giáo trình nghe hiểu(3 tập). NXBVHHT. 2009
- Trần Thị Thanh Liêm – Hán ngữ tốc thành. NXB VHHT. 2013
- Trần Thị Thanh Liêm. *Tiếng Hoa Thương mại Du lịch*. NXB VHHT. 2012.
- Trần Thị Thanh Liêm (Đồng dịch giả)GT luyện nghe Hán ngữ(3 tập). NXB Đại học Quốc gia. 2010
- Trần Thị Thanh Liêm – Giao tiếp Hoa Việt – Việt Hoa. NXBVHHT. 2009
- 赵剑华、祝秉耀 编著 · 《汉语写作教程》 · 北京语言大学出版社 · (Triệu

Kiểm Hoa, Chúc Bình Diệu, Giáo trình viết tiếng Hán, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh)

- 杨东升 主编 . 《BCT 商务汉语写作教程》 . 北京语言大学出版社 . (Dương Đông Thăng chủ biên, BCT giáo trình viết tiếng Hán thương mại, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh).

- 乔惠芳、赵剑华编著 . 《汉语写作指导》 . 北京大学出版社 . (Kiều Huệ Phương, Triệu Kiếm Hoa, Hướng dẫn viết tiếng Hán, NXB Đại học Bắc Kinh).

- 哈嘉莹编著 . 《经贸汉语阅读与写作》 . 外语教学与研究出版社 . (Cáp Gia Doanh,

Độc Viết tiếng Hán kinh tế thương mại, NXB Dạy học và nghiên cứu ngoại ngữ).

- 赵洪琴、吕文珍编 . 《外贸写作》 . 北京语言学院出版社 . (Triệu Hồng Cầm, Lã

Văn Trân, Viết thương mại, NXB Đại học Bắc Kinh)

- Trần Thị Thanh Liêm – Hoàng Trà. Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Hoa Việt – Việt Hoa. NXBVHTT. 2007

-Trần Thị Thanh Liêm – Trương Ngọc Quỳnh. Tìm hiểu Văn hóa Phương Đông. NXB VHTT. 2013

- Trần Thị Thanh Liêm. Kinh điển văn hóa 5000 năm Trung Hoa (4 tập). NXB VHTT. 2002. Chủ biên dịch (CBD)

(Chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Bùi Thanh Phương

